

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2018

*“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia
đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lê Na

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải

2. Bà Nguyễn Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chung – Thư ký Toà án nhân dân huyện HĐ, thành phố HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HĐ, thành phố HN tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện HĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 206/2018/TLST- HNGĐ ngày 25/6/2018, về việc: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 20/8/2018, và quyết định hoãn phiên tòa số 54/2018/QĐST ngày 05/9/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1963

Trú tại: Thôn 6, xã SP, huyện HĐ, thành phố HN.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông **Đỗ Văn H**, sinh năm 1963

Trú tại: Thôn 6, xã SP, huyện HĐ, thành phố HN.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà và ông Đỗ Văn H kết hôn năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SP, huyện HĐ, thành phố HN. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn lý do ông H không chịu

làm ăn, lại thường xuyên chơi bời, sử dụng ma túy nên đã bị xét xử về hành vi mua bán, tàng trữ ma túy phải đi thi hành án. Mặc dù không đánh cãi chửi nhau nhưng tình cảm thì nhạt dần. Sau khi ông H thi hành án xong trở về tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện. Vợ chồng ông bà ly thân từ năm 2007 đến nay, hai bên không quan tâm nhau. Nay bà thấy tình cảm giữa bà và ông H không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

- *Về con chung*: Bà và ông Đỗ Văn H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Bà và ông Đỗ Văn H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Văn H:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với ông Đỗ Văn H nhưng ông H không có mặt nên không có bản tự khai, không có ý kiến trình bày về các vấn đề nguyên đơn yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc thực hiện tố tụng của Tòa án và các đương sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có mặt. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị C.

- *Về con chung*: Không có

- *Về tài sản chung*: Ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo qui định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

1. Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về việc “*ly hôn*”. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện HĐ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là ông Đỗ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Việc kết hôn giữa bà Nguyễn Thị C với ông Đỗ Văn H đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà C và ông H thường xuyên mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng nhạt dần. Ông H và bà C mỗi người ở một nơi, thỉnh thoảng mới gặp nhau. Vợ chồng ly thân từ năm 2007 đến nay, không còn quan tâm nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần liên lạc với ông H qua số điện thoại gia đình cung cấp và gửi giấy triệu tập làm việc nhưng ông H không có mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã SP. UBND xã SP cung cấp thông tin như sau:

Ông Đỗ Văn H sinh năm 1963, có hộ khẩu thường trú tại thôn 6, xã SP, huyện HĐ, thành phố HN. Ông H chưa làm thủ tục tạm vắng tại địa phương, chưa chuyển khẩu đi nơi khác. Hiện nay, ông H đang đi làm ăn xa, thỉnh thoảng ông vẫn về quê sinh sống. Khi tòa án gửi giấy triệu tập ông H, công an xã đã chuyển cho ông H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn H kết hôn với bà Nguyễn Thị C ngày 09/01/2004. Quá trình chung sống của ông bà có nhiều mâu thuẫn. Ông H đã bị Tòa án nhân dân huyện HĐ xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Ông H hiện sinh sống tại thôn 6, xã SP, huyện HĐ, thành phố HN.

Tòa án đã tiến hành niêm yết tất cả văn bản tố tụng theo quy định pháp luật và trực tiếp liên lạc với ông H qua điện thoại để thông báo thời gian làm việc và thời gian mở phiên tòa nhưng ông H vẫn không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên tòa và đề nghị Tòa án giải quyết để ông và bà C được ly hôn, ông không có ý kiến gì khác.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông H và bà C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cho bà C được ly hôn ông H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà C và ông H không có con chung, nay ly hôn không phải giải quyết.

Về tài sản chung: Bà C và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 56, 59 và Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 36; Điều 147, điều 227, 233 và điều 235 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTW Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị C.

Xử: Bà Nguyễn Thị C được ly hôn ông Đỗ Văn H.

2. *Về con chung:* Nguyễn Thị C và ông Đỗ Văn H không có con chung.

3. *Về tài sản chung:* Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị C và ông Đỗ Văn H không yêu cầu giải quyết.

4. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

5. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0008136 ngày 25/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HĐ, thành phố HN. Bà Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí.

6. *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP HN.
- VKSND huyện HĐ;
- Chi cục THADS huyện HĐ
- UBND xã SP;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Thị Lê Na